TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Bường;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng D – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thái Bình (Theo Giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng)

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Thanh L – Chức vụ: Phó phòng Kiểm soát rủi ro Chi nhánh Thái Bình (theo giấy ủy quyền số 18/2022/GUQ-CNTBI

ngày 04/11/2022).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn 6, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt ông Phan Thanh L là đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/5/2020 ông Nguyễn Xuân Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn).

Khi ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Ngân hàng và ông Đại đã thỏa thuận và thống nhất với nhau: về số tiền cấp hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 22 hàng tháng (tại trang 6 của Hợp đồng), ông Đ nhận thông báo giao dịch và các thông báo khác của Ngân hàng theo phương thức SMS/Ngân hàng điện tử (quy định tại trang 4) và thỏa thuận ràng buộc bởi bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (quy định chi tiết tại mục cam kết tại trang 6 của Hợp đồng: "Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Điều khoản và điều kiện cùng với giấy đề nghị này tạo thành hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng". Đồng thời giải thích rõ cho khách hàng hiểu về quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng". Đồng thời giải thích rõ cho khách hàng hiểu về quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch 03 với tổng số tiền 24.611.000 đồng, trong đó 02 giao dịch trả góp 12 tháng vào các ngày 29/5/2020 giao dịch số tiền 19.502.000 đồng tại máy POS tại thành phố Thái Bình, số tiền 19.502.000 đồng trả góp lãi suất 0%, mỗi khách hàng phải thanh toán số tiền trả góp là 1.625.174 đồng, số tiền lẻ 8 đồng (19.502.000 đồng:12= 1.625.166 dư 8 đồng) được cộng vào kỳ thanh toán đầu tiên nên kỳ

chốt thông báo giao dịch 22/6/2020 khách hàng phải thanh toán số tiền trả góp là 1.625.174 đồng, 11 kỳ còn lại số tiền bằng nhau là 1.625.166 đồng. Ngày 28/8/2020 ông Đ tiếp tục giao dịch số tiền 4.009.000 đồng tại máy POS tại thành phố Thái Bình, vẫn đăng ký phương thức trả góp 12 tháng tương tự như giao dịch bên trên, hàng tháng trả góp số tiền 334.083 đồng và số lẻ 4 đồng được cộng vào kỳ chốt thông báo giao dịch 22/9/2020 là 334.087 đồng. Ngày 23/10/2020 ông Đ tiếp tục thực hiện giao dịch số tiền 1.100.000 đồng tại máy POS nêu trên. Tổng số tiền giao dịch là 24.611.000 đồng.

Đối với giao dịch trả góp thì tại thời điểm thanh toán cho đơn vị chấp nhận thẻ, Ngân hàng đã lần lượt ứng ra số tiền 19.502.000 đồng và 4.009.000 đồng để thanh toán cho đơn vị chấp nhận thẻ. Số tiền trả góp này được chia đều cho các tháng và hàng tháng tại kỳ chốt thông báo giao dịch mới đưa vào làm giao dịch thực tế của khách hàng và thông báo tới khách hàng để khách hàng thanh toán để phản ánh đúng bản chất của giao dịch trả góp cũng như đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Mặc dù Ngân hàng đã ứng ra các số tiền trên để thanh toán cho đơn vị chấp nhận thẻ, nhưng không tính lãi ngay trên toàn bộ số các số tiền này mà hàng tháng sau khi chốt thông báo giao dịch và gửi thông báo cho khách hàng, nếu đến ngày đến hạn mà khách hàng không thanh toán và vi phạm điều khoản và điều kiện thì mới áp dụng tính lãi, phí theo các nội dung đã thỏa thuận với khách hàng tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng. Bao gồm: các loại phí khách hàng phải chịu quy định tại ĐIều 25, trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ quy định tại điều 18, thời hạn thanh toán quy định tại điều 19, số tiền thanh toán quy định tại điều 20, thứ tự ưu tiên thanh toán quy định tại điều 21, cách tính lãi quy định tại điều 23.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/9/2021 là kỳ ông Đ thanh toán nợ cuối cùng cho Ngân hàng, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.786.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch. Cụ thể số tiền ông Đ nợ đến ngày 22/9/2021 được tính như sau:

Dư nợ ngày 22/09/2021 = Số tiền giao dịch – (Số tiền thanh toán – phí, lãi)

Trong đó:

- Số tiền giao dịch: 24.611.000 đồng.
- Số tiền thanh toán: 4.786.000 đồng.

- Tổng các khoản phí: 1.815.737 đồng.
- Tổng tiền lãi: 6.340.585 đồng.

⇨ Dư nợ ngày 22/9/2021 = 24.611.000 – (4.786.000– 1.815.737– 6.340.585) = 27.981.322 đồng.

Kỳ chốt thông báo giao dịch tiếp theo 22/10/2021 do ông Đ không thanh toán nên tiếp tục phải chịu tổng số tiền 910.602 đồng, trong đó phí trễ hạn: 115.308 đồng, lãi: 727.870 đồng, phí vượt hạn mức: 67.424 đồng. Tổng số tiền này được tính vào dư nợ cuối kỳ ngày 22/10/2021 theo đúng quy định tại điểm 1.9 của điều 1: dư nợ là số tiền mà chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ. Tính đến ngày 22/10/2021 dư nợ thẻ của ông Đ là 28.891.924 đồng.

Kể từ kỳ chốt thông báo giao dịch 22/8/2021 đến kỳ chốt thông báo giao dich tháng 10/2021, ông Đ đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đại vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán đầy đủ, vi phạm Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà 2 bên đã thỏa thuận, thống nhất ngay từ khi mở thẻ nên ngày 22/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông Đ còn thiếu tại thời điểm chấm dứt sử dụng thẻ này số tiền là 28.891.924 đồng sang Nợ quá hạn, Ngân hàng xin được gọi là Nợ gốc để áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/ tháng trên Dư nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Từ khi chấm dứt sử dụng thẻ, Ngân hàng chỉ tính lãi quá hạn trên dư nợ này và không tính bất cứ khoản phí, lãi khác đối với khách hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Đ có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Tính đến ngày 23/03/2023, ông Đ còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc (Dư nợ áp dụng lãi suất quá hạn) : 28.891.924 đồng.
- Lãi quá hạn : 19.380.960 đồng.
- Tổng cộng : 48.272.884 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền Nợ gốc (dư nợ áp dụng lãi suất quá hạn tại thời điểm chấm dứt sử dụng thẻ) là 28.891.924 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng (2.6% * 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Từ ngày 22/10/2021) cho đến hiện tại. Cụ thể:

Lãi quá hạn = Số tiền lãi quá hạn 1 ngày * Số ngày nợ quá hạn

Trong đó:

- Số tiền lãi quá hạn 1 ngày = (28.891.924 * 3.9%) / 30 = 37.560 đồng.
- Số ngày nợ quá hạn: 516 ngày (Từ ngày 23/10/2021 đến ngày 23/03/2023).

⇨ Lãi quá hạn = 37.560 * 516 = 19.380960 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên lạc, đôc đốc nhắc nhở thanh toán với ông Đ, làm việc với gia đình ông Đ, gửi các Công văn thông báo nhắc nhở yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Đ không hợp tác và vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn Nguyễn Xuân Đ:

1. Buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/03/2023 là 48.272.884 đồng, trong đó:
   - Nợ gốc (dư nợ áp dụng lãi suất quá hạn): 28.891.924 đồng.
   - Lãi quá hạn: 19.380.960 đồng.
2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.
3. Buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí theo luật tố tụng dân sự, thanh toán toàn bộ phí thi hành án, chi phí thi hành án theo luật thi hành án.

Qua xác minh tại xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, ông Nguyễn Xuân H (bố đẻ anh Nguyễn Xuân Đ) cung cấp:

Các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án gửi về gia đình đã nhận được và chụp ảnh gửi qua zalo cho anh Nguyễn Xuân Đ. Hiện nay anh Đ đang đi làm ăn ở nơi khác, địa chỉ cụ thể anh Đ không thông tin cho ông H và vợ ông biết. Đối với số tiền anh Đ vay của Ngân hàng S, ông bà đã biết về việc này. Ngân hàng đã nhiều lần đến làm việc với ông bà tại địa phương. Quan điểm của ông H như sau: anh Đ là người vay nợ thì phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Ông đã được xem chữ ký họ tên, chữ viết trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/5/2020, ông xác định chữ ký chữ viết đúng là của anh

Nguyễn Xuân Đ. Ông H cam kết có trách nhiệm thông tin lại nội dung yêu cầu trả nợ của Ngân hàng và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đối với anh Nguyễn Xuân Đ:

- Buộc anh Nguyễn Xuân Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2023 là 54.808.324 đồng, trong đó nợ gốc là 28.891.924 đồng, nợ lãi là 25.916.400 đồng.

- Anh Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/9/2023 đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí: Ngân hàng TMCP S(Sacombank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Ngân hàng S(Sacombank) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Xuân Đ có nơi cư trú tại thôn 6, xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình trả nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2020 nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Vì vậy căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về hợp đồng vay tài sản: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2023 giữa Ngân hàng TMCP S(Sacombank) và anh Nguyễn Xuân Đ được các bên tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng và các khế ước nhận nợ không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trên là hợp pháp và là căn cứ để các bên thực hiện.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân bằng hình thức lần lượt ứng số tiền 19.502.000 đồng và 4.009.000 đồng cho đơn vị chấp nhận thẻ, số tiền này được chia đều cho các tháng và hàng tháng tại kỳ chốt thông báo giao dịch mới đưa vào làm giao dịch thực tế của khách hàng và thông báo tới khách hàng để thanh toán.

[4.3] Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến ngày 22/9/2021, anh Đ đã trả được 4.786.000 đồng. Ngày 22/10/2021, anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 22/10/2021. Tính đến ngày 12/9/2023, anh Đ nợ gốc của thẻ tín dụng số 472074 - 6113 là 28.891.924 đồng, nợ lãi là 25.916.400 đồng, tổng cộng là 54.808.324 đồng. Như vậy, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2023 là vi phạm nghĩa vụ của bên sử dụng thẻ, vi phạm quy định của Luật các tổ chức tín dụng, vi phạm cam kết của bên sử dụng thẻ. Do đó, cần buộc anh Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S (Sacombank) (tính đến ngày 12/9/2023) số tiền gốc là 28.891.924 đồng, nợ lãi là 25.916.400 đồng, tổng cộng là 54.808.324 đồng là phù hợp với các Điều 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4.4] Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền xin rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí thi hành án, chi phí thi hành án theo luật thi hành án. Hội đồng xét xử thấy việc xin rút yêu cầu này của người đại diện theo uỷ quyền là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP S (Sacombank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân Đại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (Sacombank) đối với anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Buộc anh Nguyễn Xuân Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (Sacombank) số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2023 là 54.808.324 đồng, trong đó nợ gốc là 28.891.924 đồng, nợ lãi là 25.916.400 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2023, anh Nguyễn Xuân Đ còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2020 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc này.

3. Ngân hàng TMCP S (Sacombank) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Sacombank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.154.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001864 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương.

Anh Nguyễn Xuân Đ phải chịu 2.740.416 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S (Sacombank) có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/9/2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Anh Tuấn